

# **KHẢO CỔ HỌC TẠI DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ (1999-2004)**

## *NHỮNG KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU*

PHÙNG PHU\*

**T**hực hiện chủ trương Khảo cổ học phải đi trước một bước trong công tác trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử của Bộ Văn hóa - Thông tin, với sự chỉ đạo trực tiếp của Cục Di sản Văn hóa, trong 5 năm qua, được sự phối hợp của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô (BTDTCĐ) Huế đã tiến hành công tác thám sát khảo cổ học trong quá trình lập Dự án đầu tư tu bổ các Di tích tại Huế, khảo cổ đã và đang đóng góp tích cực và đầy hiệu quả cho các dự án trùng tu, tôn tạo tại khu di tích Huế với những cứ liệu vật chất có độ tin cậy cao. Đã có 10 cụm di tích được tiến hành điều tra, thám sát khảo cổ học. Đây là các cụm di tích tiêu biểu cho các loại hình di tích kiến trúc ở Cố đô Huế. Trong đó có di tích là nơi sinh hoạt của Hoàng gia nhà Nguyễn như cung Diên Thọ, cung Trường Sanh; loại khác là nơi nghỉ ngơi, hóng mát, hưởng thú tiêu dao của các Hoàng đế, đồng thời cũng là những di tích danh thắng nổi tiếng của Cố đô Huế như vườn Thiệu Phương, hồ Tịnh Tâm, biệt cung An Định. Có những di tích vốn là những công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, nghệ thuật cao như hệ thống Trường Lang, nhà hát Duyệt Thị Đường trong Tử Cấm thành hay lầu Tứ Phương Vô Sự trên

nền Bắc Khuyết Đài của khu vực Hoàng thành; Lại có những lăng tẩm nổi tiếng của vua Nguyễn, như lăng Gia Long, lăng Minh Mạng. Mỗi một di tích đều có một vai trò, một chức năng riêng trong tổng thể kiến trúc Cố đô Huế, được thiết kế với các quy chế cung đình chặt chẽ song cũng rất đa dạng, phong phú về quy mô và kiểu thức. Đó là sự độc đáo mà qua mỗi một đợt thám sát khảo cổ học lại đem lại các giá trị rất quý báu tiềm ẩn trong lòng Di sản văn hoá Huế.

### **Thám sát khảo cổ - Những vấn đề đặt ra với Di sản Huế**

Sau khi thống nhất đất nước và lập nên vương triều Nguyễn, năm 1802, vua Gia Long đã bắt tay ngay vào thiết kế và xây dựng Kinh đô Huế trên phần đất của thành Phú Xuân. Trải qua 13 triều vua, với gần 150 năm tồn tại, các công trình kiến trúc nơi đây luôn có nhiều biến đổi và những điều chỉnh đó thường tùy thuộc vào quan niệm, ý tưởng của từng vị hoàng đế kế tiếp nhau. Ngày nay, Cố đô Huế đã xuống cấp nghiêm trọng do chiến tranh, do khí hậu khắc nghiệt và do cả sự hạn chế và thiếu ý thức của con người. Nhiều công trình kiến trúc tuyệt mỹ giờ chỉ là phế tích, thậm chí

\*KTS. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

bị triệt giải không còn dấu vết. Những điều kiện đó đã gây nên những trở ngại không nhỏ cho *Dự án Quy hoạch, Bảo tồn và Phát huy giá trị của Quần thể Di tích Cố đô Huế* do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 12 tháng 12 năm 1996.

Để phục dựng lại Kinh đô Huế huy hoàng và tráng lệ rất cần nguồn tài chính, vật lực, nỗ lực của ý chí con người, vào khả năng khai thác các nguồn tư liệu vốn có. Nguồn tư liệu về Huế bao gồm: các tư liệu lịch sử thành văn, phim ảnh cũ, nhân chứng sống, tư liệu vật chất hiện tồn trên mặt đất và dưới lòng đất.

Những năm trước đây, các dự án trùng tu, tôn tạo chủ yếu dựa vào các tư liệu lịch sử thành văn, phim ảnh cũ và tài liệu nghiên cứu của các tác giả đương thời. Nguồn tư liệu trên, tuy có nhiều ưu điểm và phần nào đã phục vụ thành công cho một số dự án, song như chúng ta đã biết, những ghi chép của lịch sử, những nghiên cứu đương thời thường không được đầy đủ và tính khách quan có khi còn phải chịu nhiều yếu tố tác động khiến độ tin cậy có khi phải được cân nhắc. Một số sử gia thường bị hạn chế bởi nhãn quan chính trị, bởi những luật lệ phong kiến, luật lệ cung đình khắt khe nên ghi chép của họ phần nào có sự phiến diện. Các cung điện, lầu gác ở Cố đô Huế trong thời gian tồn tại của mình đều được trùng tu, sửa chữa nhiều lần. Sử sách phần lớn đều có ghi lại những lần trùng tu, sửa chữa đó, song lại không ghi chép rõ ràng cụ thể công tác trùng tu, sửa chữa đó đã diễn ra như thế nào và đặc biệt, các tài liệu đều không ghi lại quy mô, kết cấu nền móng của công trình, các loại hình vật liệu tham gia kiến trúc và các thủ pháp kỹ thuật như gia cố nền, móng...

Khảo cổ học với ưu thế của mình đã khắc phục và bổ sung cho những khiếm khuyết trên để đưa công tác trùng tu, tôn

tạo tiếp cận một nguồn tư liệu mới: Tư liệu vật chất. Thông qua điều tra, thám sát khảo cổ học, những dấu tích về nền móng của các công trình kiến trúc, dấu vết của những đợt tu bổ, sửa chữa... lần lượt được xuất lộ, cung cấp nhiều thông tin cần thiết để các dự án trùng tu có thể lựa chọn được phương án phù hợp hơn, chân xác hơn.

Nhiệm vụ của công tác khảo cổ học ở Cố đô Huế là thu thập, tập hợp thông tin khoa học và những chứng cứ vật chất khác phục vụ cho công cuộc trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa của quần thể Di tích Cố đô Huế. Với nhiệm vụ như vậy nên công tác khảo cổ học luôn phải đi trước, đi sâu, đi sát cùng công tác trùng tu, tôn tạo từ khâu điều tra khảo sát lập dự án cho đến quá trình thi công.

Ngoài việc làm xuất lộ các dấu tích nền móng kiến trúc còn sót lại trong lòng đất, khảo cổ học còn phải bóc tách, phân tích các vết tích kiến trúc đó theo từng giai đoạn cụ thể, kết hợp với những tư liệu lịch sử để phục dựng lại di tích theo từng thời kỳ lịch sử một cách chân xác nhất, nhằm giúp cho các kiến trúc sư lập dự án có những mặt bằng niên đại trùng tu phù hợp và có tính khả thi hơn. Đồng thời qua đó cũng khắc phục phần nào những khoảng trống mà sử sách để lại.

#### **Các kết quả bước đầu sau 5 năm tiến hành thám sát khảo cổ học tại di tích Huế (1999-2004)**

Mở đầu cho cuộc hành trình khó khăn, gian khổ (với trận lụt thế kỷ ở Huế) song rất thú vị này là đợt thám sát di tích cung Diên Thọ (1999), sau đó là khu di tích Duyệt Thị Đường, cung Trường Sanh, hồ Tịnh Tâm, lầu Tứ Phương Vô Sự, hệ thống Trường Lang Tử Cầm thành, vườn Thiệu Phương, cung An Định, lăng Gia Long và gần đây nhất là lăng Minh Mạng và lăng Thiệu Trị. Có thể nói, mỗi một di tích được

tiến hành nghiên cứu từ kết quả thám sát khảo cổ học đều có những bất ngờ, những khám phá mới, phát hiện mới, cả về phương diện lịch sử lẫn kiến trúc. Chính những phát hiện và khám phá là thành quả của quá trình điều tra, thám sát khảo cổ học, đồng thời chúng cũng đặt ra những vấn đề mới nảy sinh mà khoa học cần phải thận trọng để tìm câu trả lời thỏa đáng. Có những di tích đã xác định một cách chắc chắn về quy mô, kiến trúc và cấu trúc của công trình, nhưng cũng có những di tích khi các vấn đề mà kết quả khảo cổ học đưa ra chỉ dừng lại những nhận định ban đầu cần có sự đầu tư nghiên cứu về khoa học một cách tổng hợp và lâu dài, cần có sự bổ sung đối chiếu tư liệu mới sẽ dần dần được làm sáng tỏ và đảm bảo độ tin cậy.

Với 10 cụm di tích đã được tiến hành thám sát và nghiên cứu đối với một quần thể di tích rộng lớn như ở Cố đô Huế, thực chất chưa phải đã nhiều. Song, qua 5 năm qua bằng những công việc thiết thực và hữu hiệu, kết quả thám sát khảo cổ học đã cung cấp cho chúng ta một số những thông tin và nhận thức quan trọng về kiến trúc cung đình Huế với việc tổ chức không gian quy hoạch và sự điều chỉnh trong mối quan hệ về công năng của các công trình nhằm đảm bảo sự thích ứng trong đời sống và mọi sinh hoạt của cung đình triều Nguyễn.

Như trên đã trình bày, với gần 150 năm tồn tại, quần thể di tích Cố đô Huế luôn có sự biến đổi. Mỗi một giai đoạn, mỗi một triều đại, quần thể di tích đó lại được điều chỉnh, sửa đổi, tôn tạo và trong quá trình tồn tại, nhiều công trình kiến trúc đã bị triệt giải hoặc xây mới, làm cho mặt bằng di tích có nhiều thay đổi. Thực tế từ kết quả thám sát khảo cổ học qua 10 khu di tích cho thấy các di tích ở đây đều có nhiều lớp kiến trúc nằm xếp chồng và đan xen nhau. Điều này phản ánh sự chú trọng của triều đình nhà Nguyễn đối với

các công trình kiến trúc có liên quan đến đời sống sinh hoạt của từng triều đại trị vì của các đời vua và Hoàng gia. Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu khảo cổ học, có thể khái quát đặc điểm kiến trúc của di tích Cố đô Huế theo từng giai đoạn lịch sử như sau:

### *1. Giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX*

Có thể nói, đây là giai đoạn cực thịnh của Vương triều nhà Nguyễn, toàn bộ mặt bằng của Kinh thành Huế chủ yếu được qui hoạch và kiến thiết trong giai đoạn này. Qua 10 di tích được tiến hành nghiên cứu, có thể nhận thấy đặc điểm kiến trúc nổi bật của giai đoạn này là các công trình đều được bố trí trên các mặt bằng hình chữ nhật hoặc gần vuông. Trong mỗi di tích lại có một công trình kiến trúc chính, xung quanh là những công trình kiến trúc phụ, tất cả được bố trí một cách chặt chẽ và đăng đối, lấy công trình kiến trúc chính làm trung tâm của di tích và hướng chính của di tích chủ yếu là hướng Nam, một số ít quay mặt về hướng Đông.

Thoạt nhìn, chúng ta đều thấy mặt bằng của các di tích kiến trúc ở đây được bố trí một cách dàn trải, gần như là phủ đầy toàn bộ không gian của di tích. Nhưng khi quan sát vị trí, qui mô và cấu trúc của từng công trình, thể hiện qua các vết tích nền móng, chúng ta lại thấy sự mềm mại và uyển chuyển trong cách bài trí kiến trúc của các nhà kiến trúc xưa. Các công trình kiến trúc trong tổng thể của di tích đều được liên kết với nhau một cách thống nhất và liên hoàn thông qua mạch dẫn là các Hành Lang nối kết. Những công trình kiến trúc chính trong từng di tích với qui mô bề thế đã tạo thành điểm đột khởi cho toàn mặt bằng di tích.

Nền móng của các công trình kiến trúc thuộc giai đoạn này được xây dựng vuông vức và qui chuẩn, tất cả đều được gia cố

một cách chắc chắn. Móng thường được xây bằng gạch vồ màu đỏ tươi, gạch xếp so le ngang dọc, có mạch liên kết. Vào giai đoạn đầu triều Gia Long, móng thường được sử dụng loại gạch vồ mỏng, xương mịn, độ nung trung bình, màu đỏ tươi, mạch liên kết là đất sét, ngoài trát vữa màu đen. Đất sét ở đây được làm nhuyễn kỹ, khi có nước thấm thì đất sét mềm, dẻo, nhưng vẫn bám chắc viên gạch, nhưng khi khô thì đất cứng, chắc, làm cho toàn bộ kết cấu móng luôn luôn được ổn định và bền vững. Còn trong thành phần vữa đen, ngoài vôi và cát còn có các thành phần khác như giấy, rơm và than giã nhỏ, hàm lượng chất hữu cơ này chiếm tới 22,14%. Do thành phần như vậy nên cấu trúc của vữa rỗng, xốp, độ hút nước lớn, khối lượng thể tích nhỏ. Phân tích thành phần cho thấy cát hạt nhỏ chiếm 46,77%; than, rơm, giấy chiếm 22,14%; hàm lượng vôi khá lớn, chiếm 30%. Những phát hiện ở di tích cung Diên Thọ, cung Trường Sanh và vết tích Nội Đồ Gia ở vườn Thiệu Phương... đã cho thấy loại vữa này thường được dùng để tô trát phía ngoài chân móng với tác dụng trang trí giả màu của đá. Đây là một loại vữa truyền thống, được sử dụng xuyên suốt trong xây dựng kiến trúc cung đình Huế.

Vào giai đoạn nửa cuối triều Gia Long và nửa đầu triều Minh Mạng, nền móng kiến trúc đã có sự thay đổi rõ rệt. Móng đều đã được xây bằng loại gạch vồ dày hơn, kích thước trung bình: dài 29cm, rộng 14cm, dày 6,5cm, gạch màu đỏ tươi, xương mịn, độ nung trung bình, bề mặt của gạch thường được đập chìm ký tự chữ Hán ghi địa danh sản xuất hoặc đội sản xuất. Gạch được xếp so le ngang dọc, mạch liên kết là vữa mặt màu xám vàng. Phía ngoài móng trang trí ô hộc bằng cách ốp đá, ốp sành sứ hoặc trát vữa miết nhẵn. Thêm móng thường được bó đá sa thạch màu nâu xám hoặc đá vôi màu xám xanh. Đặc biệt, phía dưới và xung

quanh của móng được gia cố công phu và chắc chắn bằng gạch ngói vỡ vụn và đất laterite màu đỏ sậm. Gia cố được đầm kỹ thành nhiều lớp làm cho toàn bộ hệ thống móng nền của kiến trúc tạo thành một khối vững chắc, trường hợp gia cố trụ móng đặt chân tảng kê cột ở nền Chính điện cung Diên Thọ, Đông Các, Duyệt Thị Đường, hệ thống Trường Lang trong Tử Cấm thành hay nền Bắc Khuyết Đài... là những ví dụ điển hình về kỹ thuật xử lý gia cố nền móng kiến trúc của giai đoạn này. Đây là những công trình kiến trúc có qui mô bề thế và là những kiến trúc chính trong tổng thể di tích.

Với việc xử lý hệ thống móng bó và móng trụ chắc chắn như vậy, cho nên nền của các công trình kiến trúc trong giai đoạn này lại được xử lý đơn giản hơn, chủ yếu được sử dụng đất sét thuần, màu vàng, đầm kỹ, bề mặt lát gạch vuông. Gạch lát nền được làm bằng đất sét, có loại màu đỏ tươi, có loại màu nâu sẫm và cũng có loại được phủ men. Nền của các công trình kiến trúc chính thường được lát bằng gạch có độ nung trung bình, màu đỏ tươi, kích thước lớn, dao động từ 38cm đến 40cm, dày từ 3,5cm đến 5cm, một số ít được lát gạch phủ men vàng hoặc xanh, độ nung thấp, xương màu đỏ nhạt, kích thước nhỏ hơn, trung bình 30cm x 30cm x 4,5cm. Đối với những công trình kiến trúc phụ hoặc Hành Lang thì nền thường được lát bằng gạch Bát Tràng màu nâu sẫm, độ nung cao, bề mặt có hiện tượng thủy tinh hóa, kích thước trung bình: 30cm x 30cm x 6,5cm.

Kỹ thuật xây dựng thời kỳ này hầu như được lưu giữ và phát huy cho đến giai đoạn cuối thời Minh Mạng sang thời Thiệu Trị. Tuy nhiên, trong thành phần vật liệu tham gia xây dựng kiến trúc đã có sự thay đổi, đặc biệt là sự xuất hiện của loại gạch vồ có ký hiệu. Hiện tượng ở di tích hồ Tịnh Tâm là một ví dụ.

## 2. Giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX

Đây là giai đoạn mà chính quyền nhà Nguyễn đã được củng cố vững chắc, tư tưởng, chính sách cũng đã được hai vị vua đầu triều định hình, đặc biệt toàn bộ Kinh thành đã được qui hoạch một cách chặt chẽ và qui mô. Vì thế, vào thời kỳ này hoạt động xây dựng quy hoạch kiến trúc dừng lại ở mức độ tu bổ, tôn tạo hoặc bổ sung mới một số công trình kiến trúc mang tính chất là những kiến trúc thắng cảnh như trường hợp xây dựng thêm điện Hoàng Phúc, đình Nhân Thanh Bát Biểu và Minh Đạt Tứ Thông ở vườn Thiệu Phương, hay việc quy hoạch, sửa chữa lại cung Trường Ninh... dưới thời vua Thiệu Trị hoặc việc cải tạo, bổ sung trong cụm di tích cung Diên Thọ dưới thời vua Tự Đức... Tất cả những hoạt động đó cũng chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của các vị vua trong giai đoạn này, đồng thời cũng để thể hiện phần nào tính khác biệt so với giai đoạn trị vì của các vị vua tiền triều. Điều này bắt đầu hé mở cho việc nhìn nhận từng tính cách, tư tưởng của các vị vua triều Nguyễn.

Đặc điểm nổi bật của kiến trúc giai đoạn này thể hiện ở quy mô vừa và nhỏ với nhiều loại hình kiến trúc phong cảnh trong quần thể di tích. Điều đó cũng thật dễ hiểu khi hai vị vua Thiệu Trị và Tự Đức đều là những nhà thơ lớn của triều đình nhà Nguyễn. Dưới thời vua Thiệu Trị, các di tích danh thắng đã được xếp hạng về cảnh đẹp cũng như sự độc đáo của kiến trúc nơi đây. Hai mươi cảnh đẹp của đất Thần kinh được xếp hạng cũng là hai mươi loại hình di tích kiến trúc phong cảnh với những sự độc đáo khác nhau, phản ánh sự phong phú và đa dạng của các loại hình kiến trúc cung đình Huế.

Nền móng kiến trúc giai đoạn này cũng được xử lý một cách công phu và chắc chắn. Móng được xây bằng gạch vồ màu đỏ sẫm, bề mặt có nhiều ký hiệu khác nhau (chủ

yếu là những hoa (bông) nhiều cánh). Gạch xếp so le ngang dọc nhưng không theo lớp ổn định như trước. Mạch liên kết là vữa màu trắng xám. Mặt ngoài của móng thường được trang trí ô học, trát vữa tô màu, một số được ốp đá tận dụng từ các công trình kiến trúc có niên đại sớm. Gia cố đã có phần đơn giản hơn với việc sử dụng vôi vữa, gạch ngói hạ giải như trường hợp nhà Ngũ Đại Đồng Đường, điện Thọ Khang ở cung Trường Ninh, hoặc nền móng Tự Khuê Thư Lâu ở khu vực Đông Các... Qua đây cũng đã phần nào phản ánh tính chất, quy mô của các công trình kiến trúc được xây dựng trong giai đoạn này. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể thì kiến trúc giai đoạn này vẫn còn giữ được tính truyền thống của kiến trúc Huế.

## 3. Giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

Từ nửa cuối triều Tự Đức, nền tảng chính trị của Vương triều nhà Nguyễn đã bắt đầu lung lay, với chính sách bế quan tỏa cảng cùng với tư tưởng bảo thủ của triều đình, nền độc lập của dân tộc đã bị đe dọa bởi nạn xâm lược của thực dân Pháp. Trước tình hình đó, nền kinh tế của đất nước cũng rơi vào tình trạng khủng hoảng, đặc biệt là khi đất nước thuộc quyền cai trị và bảo hộ của Pháp. Đây là một trong những tác động làm cho kiến trúc Việt Nam nói chung và kiến trúc Huế nói riêng có sự thay đổi rõ rệt.

Sự thay đổi đó được bắt đầu từ thời Đồng Khánh (1886-1889). Đây là giai đoạn mà đất nước ta đã thuộc quyền cai trị hoàn toàn của thực dân Pháp ngay sau ngày Kinh đô bị thất thủ (1885), ngân sách quốc gia trống rỗng, triều đình sống bằng nguồn viện trợ của Pháp và nhà vua trở thành công chức cho Pháp. Thời kỳ này gần như không có hoạt động xây dựng lớn bổ sung trong Quần thể kiến trúc Huế, nhiều công trình kiến trúc bị triệt giải để tận dụng vật

liệu cho việc sửa chữa, tu bổ những công trình thiết yếu phục vụ cho sinh hoạt của triều đình, vườn Thiệu Phương, phương đình trên nền Bắc Khuyết Đài... là những di tích tiêu biểu bị triệt giải trong thời kỳ này. *Đại Nam thực lục chính biên* đã nêu rõ lý do của việc triệt giải các công trình đó: Một là các công trình này đã xuống cấp, triều đình không còn khả năng tu sửa; Hai là nhà vua không còn đến nơi ấy nữa hoặc chúng không còn quan trọng; Ba là để tận dụng những thứ còn tốt của các công trình ấy để sửa những nơi vua đang ở và làm việc.

Bước sang giai đoạn Thành Thái (1889-1906), Duy Tân (1907-1916) và đặc biệt là thời Khải Định (1916-1925), kiến trúc Cố đô Huế đã có sự biến đổi căn bản. Các công trình kiến trúc ở đây phần lớn vẫn là kiến trúc gỗ truyền thống, song trong thành phần vật liệu xây dựng công trình đã có sự du nhập của các loại vật liệu phương Tây như xi măng, gạch hoa xi măng... Trường hợp lớp kiến trúc muôn của khu vực Thượng Thiện Sở, Thái Y Viện, nền nhà Duyệt Thị hay lớp kiến trúc III phát hiện trong di tích vườn Thiệu Phương là những dấu tích phản ánh rõ nét nhất. Nhưng cũng đã có công trình chuyển hẳn sang phong cách kiến trúc mới với việc sử dụng vật liệu mới, mà điển hình là cung An Định. Gạch xây móng vẫn là gạch vồ có màu đỏ xám, bề mặt không có ký tự và ký hiệu, nếu có cũng chỉ là gạch tận dụng lại. Mạch liên kết là hỗn hợp vữa màu trắng đục, lẫn nhiều tạp chất. Mặt ngoài của móng không có trang trí ô hộc như những công trình có niên đại sớm. Có thể nói, đây là thời kỳ mà kỹ thuật xây dựng kiến trúc Huế đã chịu sự ảnh hưởng của kỹ thuật phương Tây kết hợp khá lúng túng với kỹ thuật truyền thống. Điều này cũng phần nào cũng phản ánh tình hình khó khăn với nền kinh tế

nghèo nàn của thời kỳ đó. Tuy nhiên đây cũng là thời kỳ chuyển tiếp cho một xu hướng nền kiến trúc mới ở Huế được hình thành trong giai đoạn sau - thời Khải Định, Bảo Đại.

Nhìn một cách toàn diện, những công trình kiến trúc được xây dựng và sửa chữa dưới thời Khải Định, Bảo Đại đã mang đến cho quần thể di tích Cố đô Huế một phong cách mới, khác biệt khá nhiều so với nền kiến trúc truyền thống Việt Nam. Vì vậy đã có nhiều ý kiến cho rằng kiến trúc giai đoạn này là nền kiến trúc đứt mạch truyền thống hay thời kỳ kiến trúc thuộc địa. Dù sao, đây cũng là một sự chuyển đổi mới trong lịch sử nghệ thuật kiến trúc Huế, từ đó đem đến cho Huế sự đa dạng và phong phú về loại hình và phong cách kiến trúc. Tuy có mặt hạn chế như vậy, song cũng vào thời kỳ này, nhiều công trình kiến trúc trong quần thể di tích rộng lớn đó đã được trùng tu, cải tạo, tôn tạo và xây dựng mới, đồng thời chúng có thể vững vàng tồn tại cùng với thời gian cho đến ngày nay.

Bên cạnh việc làm xuất lộ nhiều dấu tích nền móng kiến trúc và phân tách đặc điểm, phong cách kiến trúc Huế theo từng thời kỳ, từng giai đoạn để thu thập những thông tin cần thiết, phục vụ cho công tác trùng tu, tôn tạo, kết quả thám sát khảo cổ học ở Cố đô Huế cũng đã thu nhận được nhiều tư liệu vật chất khác có ý nghĩa không kém phần quan trọng, đó là những sưu tập hiện vật về vật liệu xây dựng, đồ gốm sứ, kim loại đặc biệt xương răng động vật, đã phân nào lý giải về nghệ thuật ẩm thực cung đình Huế, cũng như các phân tích bước đầu về bào tử phấn hoa là cơ sở để phục hồi các loại cây trồng, hoa trái tại di tích... Các sưu tập hiện vật này đã giúp ích cho việc nghiên cứu sâu hơn về văn hóa, xã hội và sinh hoạt hàng ngày trong đời

sống cung đình, mặt khác qua đó cũng cho chúng ta hiểu biết hơn về văn hoá Huế nói chung.

Với bộ sưu tập về vật liệu xây dựng, qua công tác chỉnh lý, thống kê, phân loại, kết quả nghiên cứu khảo cổ học đã cho chúng ta hình dung một cách đầy đủ các loại hình vật liệu tham gia xây dựng kiến trúc theo diễn biến niên đại sớm muộn khác nhau, xác định được vị trí tham gia của các vật liệu trong thành phần của công trình kiến trúc, giúp các nhà thiết kế trùng tu có phương án tu bổ kiến trúc phù hợp với giai đoạn tồn tại của công trình. Đặc biệt, qua bộ sưu tập này đã gợi mở cho việc nghiên cứu, tìm hiểu nguồn gốc, xuất xứ và các làng nghề thủ công truyền thống của nước ta dưới thời Nguyễn, góp phần không nhỏ trong quá trình nghiên cứu tổng thể bộ mặt xã hội Việt Nam trong giai đoạn đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

Sưu tập gốm sứ thu được qua các cuộc thám sát khảo cổ học không những giúp ta hiểu thêm về các dòng gốm sứ ở Huế nói riêng và nước ta nói chung từ đầu thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX mà còn cung cấp nhiều tư liệu quý giá trong việc tìm hiểu đời sống sinh hoạt hàng ngày trong cung đình Huế. Ở những di tích là nơi ăn ở, sinh hoạt của vua và Hoàng gia như cung Diên Thọ, cung Trường Sanh, Duyệt Thị Đường... đồ gốm sứ tìm thấy với khối lượng đồ sộ. Bên cạnh những đồ gốm Việt Nam với số lượng ít ỏi thì sự xuất hiện nhiều những đồ sứ Trung Quốc đã phần nào cho thấy nhu cầu sử dụng của tầng lớp vua quan nhà Nguyễn. Vào giai đoạn đầu triều, với sự ổn định về chính trị, sự vững vàng trong điều kiện kinh tế, những đồ sứ Trung Quốc được sử dụng ở đây đều là những đồ sứ cao cấp được ký kiểu qua nhiều con đường khác nhau từ các lò gốm nổi tiếng

của Trung Quốc như Cảnh Đức Trấn. Sứ chủ yếu được dùng là sứ men trắng vẽ lam, men trắng trong, bóng, lam tươi, nét vẽ tinh tế, xương trắng mịn, trang trí gồm nhiều đề tài khác nhau, mang đậm tính chất cung đình như rồng, phượng, mây, hoa lá, chữ Hán và nhân vật... Bên cạnh đó cũng có một số đồ sứ bình dân, xương trắng xám, lam nhạt, nhòe, chân đế dính xỉ lò, mốc men.

Tuy nhiên, vào giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đồ sứ Trung Quốc được dùng trong sinh hoạt cung đình Huế lại chủ yếu là đồ sứ bình dân, chất lượng kém có nguồn gốc từ Quảng Đông. Sứ men trắng ngả xám xanh, men mỏng, lam đậm nhòe, ngả xám chì, nét vẽ thô, xương màu xám. Nhưng đề tài trang trí vẫn là những mô típ mang đậm tính chất cung đình.

Cũng trong giai đoạn này, đồ gốm Việt Nam được sử dụng trong sinh hoạt cung đình đã có sự xuất hiện của những đồ gốm có nguồn gốc từ Gia Định, Đồng Nai với xương gốm dày, thô, men màu xanh lục, hay những đồ gốm có nguồn gốc từ Móng Cái với loại men trắng vẽ lam, đáy có chữ cái Latinh. Ngoài ra, một số đồ sứ của Nhật, Pháp và Việt Nam sản xuất theo công nghệ Pháp cũng đã được sử dụng.

Nhóm hiện vật là xương răng động vật, vỏ nhuyễn thể tìm thấy ở hầu hết các di tích và đặc biệt ở khu vực Thượng Thiện Sở đã cho ta những gợi ý về ẩm thực cung đình Huế xưa. Theo gợi ý của một số chuyên gia khi tiến hành phân tích nhóm xương răng động vật tìm thấy ở di tích Thượng Thiện Sở thì đây là những chứng tích rất quan trọng giúp ta tìm hiểu đồ ăn, uống, sinh hoạt hàng ngày của các vua triều Nguyễn, từ đó tập hợp lại để sau này có thể mở những nhà hàng ẩm thực cung

*(Xem tiếp trang 18)*

## CHÚ THÍCH

(1). Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1993, tập XIII, tr. 13.

(2). *Đại Nam thực lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1965, Bản dịch Viện Sử học, tập XIII, tr. 55.

(3). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập X, tr. 295.

(4). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sdd, tập XIII, tr. 13.

(5). *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1994, tập V, Điều 317, tr. 1046.

(6). *Hoàng Việt luật lệ*, sdd, tập III, điều 156, tr. 43.

(7). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sdd, tập XV, tr. 20.

(8). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sdd, tập XII, tr. 508, 509.

(9). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập XXII, tr. 93.

(10). Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Minh Mạng chính yếu*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1994, tập III, tr. 237.

(11). Tự Đức. *Ngự chế văn sơ tập*, quyển 5, tr. 11.

(12). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập XVII, tr. 193-194.

## KHẢO CỔ HỌC TẠI DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ...

(Tiếp theo trang 9)

đình phục vụ khách du lịch, đồng thời tái tạo lại một phần sinh hoạt của cung đình xưa.

Nói tóm lại, các cuộc điều tra, thám sát khảo cổ học tại Cổ đô Huế trong những năm qua thực sự đã đóng góp nhiều thông tin quan trọng và hiệu quả cho công tác trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa của di sản, đồng thời đã góp phần bổ sung điều chỉnh cho những thiếu sót, khoảng trống trong ghi chép về lịch sử triều Nguyễn.

Năm năm với 10 di tích được tiến hành thám sát và khai quật (trong đó có di tích phải tiến hành hai đợt thám sát) là thời gian nghiên cứu khảo cổ học chưa phải là dài, số di tích được tiếp cận chưa phải là nhiều so với một quần thể di tích rộng lớn như Huế, đặc biệt công việc đó lại nhằm phục vụ chủ yếu cho việc bảo tồn tu bổ di tích trên cơ sở kế hoạch triển khai các dự án đầu tư, vì vậy kết quả đem lại cũng còn có mặt hạn chế, cần thiết có một chiến lược lâu dài với quy mô mở rộng hơn và có sự kết hợp chặt chẽ với các nhà sử học, Huế học,

các nhà kiến trúc sư, các nhà nghệ thuật cùng các nghệ nhân để có thể thông qua đó kết quả thu lượm được sẽ toàn diện hơn. Nhưng có thể nói chặng đường vừa qua là cái mốc đánh dấu quá trình trưởng thành và khẳng định vai trò của khảo cổ học đối với công cuộc nghiên cứu và phục dựng lại một Di sản Văn hóa của nhân loại. Nhìn lại năm năm, sau một thời gian ngắn, nhưng khảo cổ học đã bắt kịp với nhịp điệu và chủ động đi trước một bước trong công tác trùng tu, tôn tạo quần thể di tích Cổ đô Huế, đáp ứng chủ trương của Bộ Văn hóa - Thông tin. Khảo cổ học đã đóng góp hiệu quả và phục vụ đắc lực cho các dự án trùng tu, tôn tạo bằng những cứ liệu khoa học chân xác thu được từ lòng đất Cổ đô. Với những kinh nghiệm đã đạt được trong thời gian qua, chắc chắn công tác nghiên cứu khảo cổ học sẽ tiếp tục đóng góp hơn nữa, hiệu quả hơn nữa cho dự án trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị của quần thể di tích Cổ đô Huế - một quần thể kiến trúc độc đáo và đặc sắc của đất nước ta.

Huế, tháng 8-2004